

IV. Cách phát âm của “s” và “es” sau một từ

* /S/ được phát âm là /S / khi nó sau những từ có tận cùng là: /

t,te,k,ke,p,pe,f,fe,gh,ph,th/. Tóm lại sau 5 âm / **p,f,t,k,θ**/ thì tận cùng là “s” hay “es” đều được đọc là /s/. Chú ý “ th” phải được phát âm là / θ/, **f,fe,gh,ph** được phát âm là /f/

* /ES/ được phát âm là: /IZ/ khi nó sau những từ có tận cùng là: /

ch,sh,s,ss,ce,ge,se,x/

* /S/ được phát âm là /Z/ khi nó sau những từ có tận cùng là những chữ còn lại.

VI. Choose the word whose part is pronounced differently from the other in each group.

- | | | | |
|-----------------|-------------|--------------|---------------|
| 1. a. cooks | b. stops | c. wants | d. travels |
| 2. a. listens | b. repairs | c. begins | d. likes |
| 3. a. likes | b. hates | c. washes | d. hopes |
| 4. a. books | b. tables | c. computers | d. classrooms |
| 5. a. cars | b. keeps | c. rulers | d. computers |
| 6. a. sits | b. drinks | c. needs | d. drops |
| 7. a. hates | b. destroys | c. repairs | d. comes |
| 8. a. links | b. paints | c. sleeps | d. arrives |
| 9. a. classes | b. boxes | c. sentences | d. kites |
| 10. a. reaches | b. fixes | c. washes | d. hates |
| 11. a. pictures | b. chairs | c. smokes | d. sees |
| 12. a. changes | b. misses | c. writes | d. watches |
| 13. a. sends | b. laughs | c. cooks | d. foots |
| 14. a. prevents | b. kitchens | c. dogs | d. goes |
| 15. a. doctors | b. pilots | c. students | d. maps |
| 16. a. walks | b. invites | c. lives | d. hopes |
| 17. a. six | b. sugar | c. suit | d. sun |
| 18. a. links | b. leads | c. waits | d. laughs |
| 19. a. sings | b. polites | c. comes | d. earns |
| 20. a. months | b. takes | c. calls | d. suggests |